

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18/03/2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH Đ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thái
2. Bà Đỗ Thị Thu Hà
- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Q - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ

Ngày 18 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXX-ST ngày 08/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐ-HPT ngày 20/01/2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lường Thị T - Sinh năm: 1986
Địa chỉ: Bản N 1, xã N, Thành phố Đ, tỉnh Đ (có mặt).
2. **Bị đơn:** Anh Cà Văn Q - Sinh năm: 1987 (vắng mặt)
Địa chỉ: Bản N1, Xã N, thành phố Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07/10/2024 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân thành phố Đ, chị Lường Thị T (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Cà Văn Q tổ chức đám cưới theo phong tục năm 2005 và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Đ, tỉnh Đ vào ngày 22/8/2008. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Kết hôn và chung sống tại nhà chồng bản N 1, xã N, thành phố tỉnh Đ. Được một thời gian dài chung sống xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh Q bị nghiện rượu không tu chí làm ăn, không chịu đi làm thuê để lo kinh tế gia đình cùng tôi, anh còn thường xuyên bạo hành tôi ngày nào cũng uống rượu không chia sẻ công việc gia đình không chăm lo con cái. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhưng anh Q vẫn vậy không thay đổi còn dọa giết tôi. Kể từ tháng 9 năm 2022, tôi và anh Q đã ly thân, không còn quan tâm, thăm nom gì nhau.

Vì tình cảm vợ chồng không còn nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Q.

2. Về con chung: Tôi và anh Q có 02 con chung là cháu Cà Thị H sinh ngày 30/7/2006 và Cà Văn T, sinh ngày 20/06/2008. Quan điểm của tôi do cháu Huệ đã đủ thành niên nên tôi xin được nuôi và chăm sóc cháu T cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

- Về phần cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án nhân dân thành phố Đ, anh Cà Văn Q (bị đơn) trình bày:

Về hôn nhân vợ chồng tổ chức đám cưới theo phong tục năm 2005 và đăng ký kết hôn từ năm 2008. Quá trình chung sống cùng nhau hạnh phúc đến năm 2019 do cô T đi làm thuê có tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến mâu thuẫn cãi vã nên cô Thính tự ý bỏ về nhà ngoại sinh sống. Năm 2019 cô T làm đơn ra Tòa lần thứ nhất tôi có đến ký các giấy tờ hòa giải sau đó cô T rút đơn về nhưng chúng tôi vẫn ly thân không về chung sống với nhau. Giờ cô T lại tiếp tục đưa tôi ra Tòa ly hôn, bản thân tôi không đồng ý vì tôi muốn thỏa thuận về việc nuôi con. Còn nếu cô T cứ nhất định ly hôn phải tự ra đi để lại toàn bộ tài sản nhà cửa đất cát cho tôi không được đòi lại.

Về con chung có 2 con chung cháu H đã lớn biết đi làm thuê, tôi muốn nuôi cháu T vì là con trai phải cho theo bố.

Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Q đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và không yêu cầu Tòa giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

- Về con chung chị thay đổi yêu cầu khởi kiện là đồng ý để cháu T cho anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của anh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Bị đơn có địa chỉ tại bản N 1, xã N, thành phố Đ, tỉnh Đ do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân thành phố Đ đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 177/BLTTDS, việc anh Q không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70;72/BLTTDS là do anh Q đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, cho nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cà Văn Q và chị Lường Thị T tổ chức lễ cưới năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Theo lời khai của chị T và đơn xác nhận tình trạng hôn nhân do trưởng bản N 1, xã N, thành phố Đ, tỉnh Đ xác nhận cho thấy: Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh Q và chị T tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, anh Q có chơi bời và bị nghiện rượu và có xảy ra bạo hành.

Hai bên gia đình và thôn bản có hòa giải nhưng không thành hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Bản thân chị T xét thấy tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q

Theo lời khai của anh Q nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T đi làm thuê nên có tình cảm với người khác dẫn đến xảy ra cãi vã mâu thuẫn không hòa giải được. Chị T tự ý bỏ về nhà ngoại sinh sống không quan tâm đến anh, nhưng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc chị T ngoại tình, mặc dù vậy anh vẫn không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị T và anh Q và để giải phóng cho cả hai anh chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị không dành thời gian chung sống chăm sóc giúp đỡ nhau, theo Điều 19 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hai anh chị không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại điều luật này do hai anh chị đã sống ly thân hơn 4 năm nay, như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị T cùng con. Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị T xử cho ly hôn giữa chị Lường Thị T và anh Cà Văn Q.

[3]. Về con chung: Anh Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Cà Văn T, sinh ngày 20/06/2008 và xét theo nguyện vọng cháu T được sống cùng bố và bà nội.

Tại phiên tòa chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện là đồng ý để anh Q nuôi cháu T. Xét thấy nguyện vọng của anh chị là phù hợp với qui định của pháp. HĐXX căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của chị T anh Q. Giao con cho anh Q được trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, chị T có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của anh chị.

[5]. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả, nợ lấy về diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lương Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 19, Điều 69, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lương Thị T được ly hôn với anh Cà Văn Q
2. Về con chung: Anh Q được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng con chung cháu Cà Văn T sinh ngày 20/06/2008 cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp d-ỡng nuôi con chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ-ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; diện tích ruộng, nương, Nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lương Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị T đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: 0001038 ngày 11/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ. (chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi gửi:

- TAND Tỉnh Đ
- VKS TPĐBP
- Chi cục THADS
- UBND xã N

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Kế toán, vp

Bạc Thị Liên

